

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Văn Khôi.

+ Ông Phạm Thanh Tùng.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai” giữa:

- *Nguyên đơn:*

+ Anh Trần Minh K, sinh năm 1960; địa chỉ: số A, ngõ D, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Trần Cảnh K1 (đã chết ngày 05/01/2016).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Cảnh K1:

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; địa chỉ: thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Minh K, sinh năm 1960; địa chỉ: số A, ngõ D, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Minh K2, sinh năm 1971; địa chỉ: phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Trần Quỳnh T, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Minh K3, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ A, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* anh Phạm Đăng K4, sinh năm 1957 và chị Đỗ Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà A, ngõ D, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 20/9/2023, anh Trần Minh K là nguyên đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, đề nghị Tòa án sơ thẩm tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án với các lý do sau: *Thứ nhất*, bố anh đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Hà Nam Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) từ năm 1991, anh có đủ điều kiện để khởi kiện vụ án. *Thứ hai*, Quyết định thu hồi GCNQSDĐ cấp cho gia đình anh đã nêu rõ lý do thu hồi, không làm thay đổi về người sử dụng đất và quyền sử dụng đất. Tại thời điểm khởi kiện, ông K1 vẫn là người đứng tên trên GCNQSDĐ và có đầy đủ giấy tờ về quyền sử dụng đất cho đến năm 2012 thì mới bị UBND thành phố N thu hồi. *Thứ ba*, Tòa án không đưa UBND thành phố N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định tại khoản 17 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. *Thứ tư*, theo hồ sơ địa chính, thửa đất nhà anh vẫn thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 24, diện tích 62,8m²; theo trích lục bản đồ địa chính ngày 20/9/2023 anh được quyền đối với phần diện tích 62,8m². *Thứ năm*, anh đã nộp số tiền 7.000.000 đồng chi phí tố tụng, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết, anh muốn được làm rõ các khoản chi phí tố tụng.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau: đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Minh K nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Minh K, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

Ông Trần Cảnh K1 đã được UBND tỉnh H cấp GCNQSDĐ ngày 05/11/1991 tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 2, diện tích 60m² đất ở.

Ngày 27/7/2004 UBND thị xã N cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Trần Cảnh K1 và bà Nguyễn Thị K5 được quyền sử dụng 62,8m² đất tại thửa đất số 342, tờ bản đồ số 24.

Ngày 08/11/2011 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ ngày 27/7/2004 của UBND thị xã N đã cấp mang tên ông Trần Cảnh K1, vợ là Nguyễn Thị K5. (Lý do thu hồi: do UBND phường P kiểm tra thiếu chặt chẽ, Phòng T1 thẩm định chưa kỹ lưỡng dẫn đến việc cấp đổi lại giấy chứng nhận tăng hơn diện tích hợp pháp ban đầu là 2,8m², tại thời điểm này bà K5 đã chết trước đó 36 năm nên việc cấp giấy chứng nhận đứng tên người chết là chưa đúng quy định của Luật Đất đai). Giao UBND phường P thực hiện việc thu hồi GCNQSDĐ, đồng thời hướng dẫn ông Trần Cảnh K1 làm thủ tục cấp lại GCNQSDĐ theo quy định hiện hành.

Ngày 22/3/2012 UBND phường P đã thu hồi GCNQSDĐ mang tên ông Trần Cảnh K1, vợ là Nguyễn Thị K5.

Ngày 04/6/2013 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1261/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ ngày 27/7/2004 của UBND thị xã N đã cấp mang tên ông Trần Cảnh K1, bà Nguyễn Thị K5. Quyết định này thay thế Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND thành phố N.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2023, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: buộc bị đơn phải tháo dỡ trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 2,8m² đất (gồm phía Bắc 0,05m, phía Nam 0,06m, đoạn giữa tiếp giáp 2 nhà là 0,2m); đồng thời phải tháo dỡ phần máng tôn đưa sang có chiều rộng là 0,07m, chiều dài là 12,08m.

Kèm theo đơn khởi kiện, phía nguyên đơn đã giao nộp cho Toà án *Biên bản hoà giải đề ngày 20/11/2008*.

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định:

“... Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà *chưa được hòa giải* tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”.

Đối chiếu với quy định nêu trên, ngày 20/11/2008 UBND phường P đã tiến hành hoà giải tranh chấp đất đai giữa 2 hộ gia đình nhưng không thành là đảm bảo đúng quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013, được xác định là đủ điều kiện khởi kiện.

Ngày 20/9/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N cấp Trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ địa chính số 24 thể hiện: thửa đất số 342 mang tên “Kham”.

Như vậy, nguyên đơn có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất nên ông K1, anh K có quyền khởi kiện. Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của UBND thành phố N về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông K1 không làm thay đổi về người có quyền sử dụng đất.

Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án do người khởi kiện chưa có đủ điều kiện khởi kiện là không đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không đưa UBND thành phố N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, bỏ lọt người tham gia tố tụng.

Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết tại Toà án cấp sơ thẩm, anh K đã nộp số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng; Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là không đúng quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh K là có căn cứ. Hội đồng phúc thẩm huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án. Khi thụ lý lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần đưa UBND thành phố N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xử lý số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Minh K.

Huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 24/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Trần Minh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG